TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **23**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 5 -2018
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH YÊN BÁI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Sơn.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trương Xuân Vũ
2. Bà Hà Thị Thoan

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyên L không tham gia phiên toà*.

Ngày 11 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 55/2018/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21 /2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1989; Có mặt

2/ Bị đơn: Anh Ma Văn H, sinh năm 1983; Vắng mặt có lý do.

Các đương sự cùng địa chỉ: Thôn 4 N, xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai chị Hoàng Thị N trình bày: Tôi và anh Ma Văn H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005 có làm đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, nhưng không đến Ủy ban nhân dân xã M để làm thủ tục đăng ký kết hôn. Năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H ghen tuông vô cớ đánh đập tôi nhiều lần, rồi anh H bỏ nhà đi xuống tỉnh H làm thuê. Do không chịu đựng được đời sống chung tháng 4 năm 2017 tôi đưa con về bố mẹ đẻ ở Làng M, xã V sinh sống đến nay, không ai còn quan tâm đến ai, tôi xác định không còn tình cảm nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Về con chung: Chúng tôi có hai con chung là Ma Thị N, sinh ngày 06/9/2008 và Ma Quốc T, sinh ngày 25/9/2011. Khi ly hôn tôi nhận nuôi cả hai con, có yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo anh Ma Văn H trình bày: Tôi và chị N được tự do tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương từ năm 2005, chúng tôi chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn , cuộc

sống chung hạnh phúc cho tới năm 2016 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cô N có biểu hiện sống không chung thủy, nên hai người thường xuyên cãi chửi nhau, sau đó cô N tự bỏ nhà đưa các con về ở với bố mẹ đẻ, từ đó không ai còn quan tâm đến ai, cô N xin ly hôn thì tôi đồng ý vì không thể tiếp sống chung với nhau được nữa. Chúng tôi có hai con chung khi ly hôn tôi đồng ý để cô N nuôi dưỡng cả hai người con chung: Ma Thị N và Ma Quốc T, tôi nhận cấp dưỡng nuôi người con Ma Quốc T mỗi tháng 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng), kể từ tháng 5/2018 cho đến khi Ma Quốc T đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 09/3/2018 thì cháu Ma Thị N có nguyện vọng được ở với mẹ. Tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về việc nuôi con chung các đương sự giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên theo quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.Tại phiên tòa anh Ma Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, HĐXX tiến hành phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dan sự.

[2] Về nội dung: Xét thấy chị Hoàng Thị N và anh Ma Văn H có được tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn và hai người sống chung như vợ chồng từ năm 2005 cho đến nay, lời trình bày của các đương sự phù hợp với nhau và phù hợp với giấy xác nhận về tình trạng hôn nhân của UBND xã M, huyện L. Sau khi cả hai có đủ điều kiện kết hôn nhưng không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định là vi phạm pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H không được đăng ký theo quy định của pháp luật thì không có giá trị pháp lý, đồng thời không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng; giải quyết việc nuôi con theo quy định tại các Điều 14, 15 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Xét thấy nội dung các đương sự thỏa thuận về việc nuôi con tại biên bản hòa giải ngày 06/4/2018 là tự nguyện phù hợp với nguyện vọng của các con, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được công nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; anh Ma Văn H phải phải chịu án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 14; Điều 51; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Hoàng Thị N và anh Ma Văn H là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau: Chị Hoàng Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai người con Ma Thị N, sinh ngày 06/9/2008 và Ma Quốc T, sinh ngày 25/9/2011, anh Ma Văn H nhận cấp dưỡng nuôi người con Ma Quốc T mỗi tháng 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng), phương thức nộp tiền hàng tháng, kể từ tháng 5/2018 cho đến khi Ma Quốc T đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0000 875, ngày 09/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Yên Bái, chị N đã nộp đủ án phí. Anh Ma Văn H phải nộp 150.000đ(Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí về cấp dưỡng.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Ma Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện L;
- CCT.H.ADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký và đóng dấu
Nguyễn Trung Sơn